

Bản án số: **159/2019/DS-PT**

Ngày: 13 - 12 - 2019.

V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và
tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Mã Quế Khanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 195/2019/QĐPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh M. Địa chỉ: Ấp C1, xã B1, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh M1. Địa chỉ: thành phố X (theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2019) (có mặt).

2. Bị đơn: Anh N. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư N1 - Văn phòng luật sư N1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Ấp C2, xã B2, huyện A2, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Người kháng cáo: Anh M là nguyên đơn và anh N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn M trình bày: Vào ngày 05/02/2018, anh M có thỏa thuận cho anh N thuê xe ô tô 05 chỗ ngồi hiệu Honda City, màu trắng, biển kiểm soát 83A-056.98 (việc hai bên thỏa thuận có ký hợp đồng với nhau), thời gian thuê xe là 01 tháng tính từ ngày 05/02/2018 đến ngày 05/3/2018, giá thuê là 17.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, anh M bàn giao xe và các giấy tờ liên quan cho anh N ngay trong ngày, trước khi nhận xe anh N có kiểm tra xe và không có ý kiến gì.

Khoảng 09 giờ ngày 28/02/2018, anh N điện thoại cho anh M báo là xe gặp tai nạn và bị hư hỏng, anh M chưa biết sự việc như thế nào nên yêu cầu anh N mang xe về huyện A1 để sửa lại cho anh M. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, anh N chạy xe lên huyện A1 thì anh M mới biết xe của anh M hư hỏng rất nặng (bung 02 túi khí, bể két nước, thụn cửa tài phụ, bể đèn trước, hư toàn bộ phần đầu xe...). Anh M yêu cầu anh N đưa xe lên hãng Honda tại thành phố Cần Thơ để sửa cho anh M, nhưng anh N cho rằng là anh có công tác đột xuất, anh N nhờ anh M đưa xe đi sửa giúp và hứa mọi chi phí sửa xe anh N sẽ thanh toán lại cho anh M, anh M nghĩ là chỗ quen nên mới đồng ý và thuê xe cứu hộ đưa xe lên thành phố Cần Thơ sửa chữa.

Nhưng hơn 02 tháng sau, anh N vẫn không liên lạc với anh M, anh M mới liên lạc với anh N yêu cầu trả tiền, nhưng anh N cứ hẹn nhiều lần mà vẫn không trả tiền cho anh M, trong khi anh M đã bỏ tiền ra sửa chữa xe bị hư hỏng, theo hóa đơn của hãng Honda Cần Thơ tổng cộng số tiền đã sửa chữa xe bị hư hỏng là 99.011.000 đồng. Sau đó anh M có nhờ lãnh đạo Công an huyện A tác động yêu cầu anh N trả tiền cho anh M, nhưng anh N vẫn không chịu gặp anh M mà có nhờ người chuyển cho anh M số tiền 22.500.000 đồng, người chuyển tiền bảo anh N nói số tiền này là tiền thuê xe cứu hộ mang xe đi sửa là 2.500.000 đồng và trả tiền xe không hoạt động trong 45 ngày là 20.000.000 đồng (từ ngày 05/3 đến ngày 20/4/2018), ngoài ra anh N không đề cập đến số tiền 99.011.000 đồng của chi phí sửa chữa xe tại hãng Honda Cần Thơ.

Đến ngày 20/5/2018, anh N có hẹn với anh M để thỏa thuận việc bồi thường, anh N hứa ngày hôm sau sẽ trả hết một lần cho anh M số tiền 99.011.000 đồng (có sự chứng kiến của anh P và anh Q). Tuy nhiên, từ đó đến nay anh N không trả tiền mà còn thách thức anh M đi kiện.

Bên cạnh đó, trong khoảng thời gian hơn hai tháng xe hư anh M không cho thuê được, anh M đã mất số tiền cho thuê xe mỗi tháng là 17.000.000 đồng x 02 tháng = 34.000.000 đồng, nhưng anh N mới đưa cho anh M số tiền 20.000.000 đồng, anh N còn nợ lại số tiền là 14.000.000 đồng.

Nay anh M yêu cầu anh N có trách nhiệm hoàn trả cho anh M số tiền là 113.011.000 đồng (trong đó, tiền sửa chữa xe 99.011.000 đồng và 14.000.000 đồng của số tiền còn lại trong khoảng thời gian 02 tháng xe không hoạt động).

Theo tờ tường trình ngày 18/4/2019, các đơn yêu cầu ngày 17/6/2019 và ngày 21/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn N

trình bày: Ngày 05/02/2018, anh có thỏa thuận và ký hợp đồng thuê xe ô tô 05 chỗ ngồi của anh M, biển kiểm soát 83A-056.98, về thời gian và giá thuê là đúng như lời của anh M trình bày. Trong thời gian thuê xe, đến ngày 28/02/2018 anh có cho anh O, trú tại ấp C3, xã B3, huyện A mượn xe ô tô nêu trên để lái thì tự gây ra tai nạn vào đêm 28/02/2018. Đến sáng ngày 29/02/2018, anh có gọi điện thoại cho anh M để báo việc xe bị tai nạn thì anh M kêu anh mang xe lên trả và anh M nói “Bảo hiểm anh mua cho xe là bảo hiểm hai chiều nên em cứ yên tâm”, sau đó anh M hỏi anh có quen ai làm cảnh sát giao thông huyện không, nếu có thì nhờ làm hiện trường vụ tai nạn và có người chứng kiến vụ việc, làm xong thì mang toàn bộ hồ sơ lên cho anh M để thanh toán với Công ty Bảo hiểm với số tiền 162.000.000 đồng của chi phí sửa chữa xe ô tô.

Sau khi làm các thủ tục giấy tờ, anh mang toàn bộ hồ sơ vụ tai nạn cho anh M đi thanh toán tiền bảo hiểm, nhưng sau đó anh M cho rằng là Công ty Bảo hiểm không thanh toán chi phí sửa chữa xe và anh M đã tự mang xe đi sửa và buộc anh phải trả số tiền trên.

Qua yêu cầu nêu trên của anh M anh thấy là không hợp lý, do xe của anh M đã mua bảo hiểm hai chiều và mọi chi phí sửa chữa xe trong trường hợp xe bị tai nạn giao thông thì công ty bảo hiểm sẽ thanh toán hoàn toàn chi phí. Nhưng anh M đã tự sửa xe mà không thông báo cho anh biết, sau khi sửa xe xong thì anh M không giao biên lai thanh toán tiền sửa xe cho anh mà lại buộc anh phải trả số tiền 162.000.000 đồng chi phí sửa xe, nhưng anh không đồng ý mà chỉ trả cho anh M số tiền 22.500.000 đồng (bao gồm tiền xe bị hư không hoạt động và tiền thuê phương tiện vận chuyển xe đi sửa chữa sau khi xe bị tai nạn) thì anh M đã nhận đủ số tiền trên.

Đến ngày 20/5/2018, giữa anh và anh M có thương lượng việc thanh toán tiền sửa xe (có sự chứng kiến của anh P và anh Q) thì anh M vẫn yêu cầu anh trả số tiền 139.500.000 đồng thì anh không đồng ý, vì xử lý như vậy là không hợp lý. Anh M buộc anh phải trả số tiền lúc ban đầu 162.000.000 đồng, rồi xuống còn 139.500.000 đồng và đến số tiền 113.011.000 đồng, đó là số tiền anh M tự đưa ra, anh thấy không hợp lý. Vì theo anh biết khi Công ty bảo hiểm thanh toán tiền sửa xe thì căn cứ trên chứng từ giá phụ tùng sửa chữa, khi thanh toán tiền thì thực hiện một lần trên số tiền cụ thể, chứ không tăng giảm như anh M đưa ra.

Đối với số tiền xe ngừng hoạt động trong 02 tháng mà anh M yêu cầu với số tiền mỗi tháng là 17.000.000 đồng x 02 tháng = 34.000.000 đồng thì anh không đồng ý. Vì xe thuê trong những ngày trước tết một tháng 17.000.000 đồng, sau Tết mỗi tháng chỉ có 12.000.000 đồng. Sau khi sự cố xảy ra, anh M có thỏa thuận với anh là chỉ lấy số tiền xe không hoạt động trong 02 tháng là 20.000.000 đồng (việc hai bên đã thỏa thuận nêu trên bằng lời nói, không có lập thành văn bản).

Đối với nội dung trong biên bản xác minh của Tòa án đối với Công ty cổ phần ô tô Nam Sông Hậu Cần Thơ về tờ hóa đơn giá trị gia tăng mà anh M cung cấp cho Tòa án: Biên bản chưa thể hiện rõ là số tiền sửa chữa xe của anh M có đúng với thực tế hay không, chưa thể hiện rõ là có khớp với chi tiết các phụ kiện xe đã sửa chữa có lưu trong hệ thống máy tính của Công ty khi sửa chữa xe của anh M hay không. Ngoài ra, Tòa án cũng chưa xác minh rõ để làm việc trực tiếp với người xuất hóa đơn

thu tiền tên Vân. Nếu số tiền thực tế sửa chữa xe bao nhiêu thì anh sẽ đồng ý bồi thường số tiền đó cho anh M. Theo anh số tiền sửa chữa xe độ khoảng bốn mươi mấy triệu đồng chứ không tới 99.011.000 đồng.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 quyết định căn cứ vào khoản 3 và khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 472, Điều 479, khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: 1. *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh M về việc yêu cầu bị đơn anh N bồi thường số tiền 99.011.000 đồng của chi phí sửa chữa xe ô tô biển số 83A- 056.98. Buộc anh N có trách nhiệm bồi thường cho anh M số tiền 99.011.000 đồng.* 2. *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh M về việc yêu cầu bị đơn anh N bồi thường số tiền 14.000.000 đồng còn lại trong khoảng thời gian 02 tháng xe ngừng hoạt động. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.*

* Ngày 15/10/2019 nguyên đơn M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn N bồi thường cho nguyên đơn 14.000.000 đồng.

* Ngày 14/10/2019 bị đơn N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa một phần bản án sơ thẩm về giảm khoản tiền bồi thường thiệt hại mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn, đồng thời khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng mà bị đơn đã giao trước cho nguyên đơn để khắc phục thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn M không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, bị đơn N vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn buộc bị đơn bồi thường tiền sửa xe 60.000.000 đồng nhưng được trừ lại số tiền 20.000.000 đồng mà bị đơn đã đưa trước cho nguyên đơn theo như yêu cầu của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đồng thời căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng

cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 14/10/2019 của bị đơn và đơn kháng cáo ngày 15/10/2019 của nguyên đơn là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của nguyên đơn M và kháng cáo của bị đơn N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ngày 05/02/2018, giữa anh M và anh N có thỏa thuận và ký với nhau hợp đồng thuê xe số: 01/HĐTX, khi đó anh M cho anh N thuê xe ô tô 05 chỗ ngồi hiệu Honda City, màu trắng, biển số kiểm soát 83A-056.98, thời hạn thuê 01 tháng kể từ ngày 05/02/2018 đến ngày 05/3/2018, giá thuê là 17.000.000 đồng. Ngay sau khi ký hợp đồng, anh M đã giao xe và toàn bộ giấy tờ liên quan đến xe cho anh N, đồng thời anh N cũng đã đưa đủ số tiền thuê xe cho anh M. Trước khi nhận xe, anh N cũng đã kiểm tra xe và không có ý kiến gì. Vào ngày 27/02/2018, anh N có cho anh O là bạn của anh N mượn chiếc xe ô tô nêu trên để lái thì tự gây tai nạn. Sau khi sự cố xảy ra, sáng ngày 28/02/2018 anh N có điện thoại cho anh M hay là xe bị tai nạn, đến chiều cùng ngày thì anh N có đem xe ô tô lên cho anh M và nhờ anh M liên hệ việc thanh toán bảo hiểm, còn anh N sẽ liên hệ với Công an giao thông địa phương làm thủ tục hiện trường vụ tai nạn để đưa cho anh M thanh toán bảo hiểm, vì xe của anh M có bảo hiểm hai chiều.

[2.2] Sau khi sự cố xảy ra thì anh N và anh M thỏa thuận giao xe cho anh M đem xe đi sửa, chi phí sửa chữa anh N sẽ thanh toán lại cho anh M và anh M đã đem xe ô tô biển số kiểm soát 83A-056.98 đến Công ty cổ phần ô tô Nam Sông Hậu Cần Thơ sửa chữa với tổng chi phí là 99.011.000 đồng, anh M cung cấp các chứng từ và hóa đơn (tại các bút lục từ 27 đến 36). Do đó, anh M yêu cầu anh N bồi thường chi phí sửa chữa xe 99.011.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Vào ngày 08/6/2018, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện có công văn số 2383/BHCG-PTI, “về việc từ chối bồi thường vụ tổn thất 83A-056.98”, Công văn có nội dung: ... “hồ sơ vụ tai nạn giao thông liên quan đến xe 83A-056.98 không có giá trị pháp lý”. ... “Tổn thất của xe 83A-056.98 không thuộc phạm vi bảo hiểm”. Sau khi Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện có Công văn từ chối bồi thường, anh M đã liên hệ với anh N để yêu cầu anh N thanh toán số tiền của chi phí sửa chữa xe là 99.011.000 đồng và số tiền bồi thường do xe không hoạt động trong 02 tháng (kể từ ngày 06/3/2018 đến ngày 09/5/2018) với số tiền còn lại là 14.000.000 đồng. Anh N cho rằng: Sau khi sự cố xe bị tai nạn, anh với anh M có thỏa thuận là tiền bồi thường xe không hoạt động trong 02 tháng với số tiền là 20.000.000 đồng và 2.500.000 đồng tiền nhờ xe móc đưa xe đi sửa chữa, hai khoản tiền trên anh đã đưa đủ cho anh M. Xét việc anh M yêu cầu anh N bồi thường 14.000.000 đồng còn lại trong khoảng thời gian 02 tháng xe bị hư hỏng mà không hoạt động được, thấy rằng: Sau khi xe bị sự cố tai nạn, giữa anh M với anh N có thỏa thuận là anh N có đưa cho anh M số tiền 22.500.000 đồng, trong đó: Tiền xe không hoạt động do bị sự cố là 20.000.000 đồng và tiền thuê xe móc đem xe đi sửa chữa là 2.500.000 đồng. Tuy nhiên, theo anh M cho rằng: Xe không hoạt động trong khoảng thời gian là 02 tháng là 34.000.000 đồng, anh N chỉ đưa cho anh được

20.000.000 đồng, còn lại 14.000.000 đồng. Ngược lại, anh N cho rằng: Trước đây anh M đã thỏa thuận chỉ lấy 20.000.000 đồng là số tiền trong khoảng thời gian xe không hoạt động và 2.500.000 đồng là tiền thuê xe móc đem xe đi sửa. Cho nên anh không đồng ý theo yêu cầu của anh M. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của anh M trình bày xe của anh M là phục vụ cho sinh hoạt gia đình, khi nào có người quen cần thì cho thuê và xe của anh M cũng không có đăng ký kinh doanh cho thuê. Do đó, kháng cáo của anh M yêu cầu anh N trả thêm 14.000.000 đồng là không có cơ sở.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh M và anh N đều cho rằng: Vào ngày 20/5/2018, anh N có hẹn với anh M tại quán cà phê gần nhà Y để thỏa thuận việc thanh toán chi phí sửa chữa xe, điều này hai bên đương sự đều thừa nhận anh N hứa ngày hôm sau sẽ trả hết một lần cho anh M số tiền 99.011.000 đồng (có sự chứng kiến của anh P và anh Q là 02 cán bộ công tác chung với anh N tại Công an huyện A). Tại các biên bản xác minh của Tòa án đối với anh P vào ngày 19/8/2019 và anh Q vào ngày 09/9/2019, anh P và anh Q có lời trình bày: Giữa các anh với anh N không có mâu thuẫn gì với nhau và đều công tác chung tại Công an huyện cùng với anh N. Vào ngày 20/5/2018, các anh có cùng chứng kiến việc anh N và anh M thỏa thuận với nhau về việc thanh toán chi phí sửa chữa xe ô tô của anh M mà anh N đã thuê của anh M gây ra hư hỏng với số tiền độ khoảng 100.000.000 đồng. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm anh N cũng trình bày: Giữa anh với anh P và anh Q không có mâu thuẫn gì với nhau và đều là đồng nghiệp công tác chung tại Công an huyện A.

[4] Tại mục số 3.2 của Hợp đồng thuê xe số: 01/HĐTX ngày 05/02/2018 giữa anh M và anh N quy định trách nhiệm, quyền hạn của Bên A (bên thuê xe) có thể hiện nội dung: ... “chịu toàn bộ chi phí xăng (dầu), phí đường bộ... khi sử dụng xe và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có sự cố hoặc tai nạn xảy ra” và tại khoản 1 Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ bảo quản tài sản thuê như sau: Bên thuê phải bảo quản tài sản thuê, phải bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ; nếu làm mất, hư hỏng thì phải bồi thường.

[5] Anh N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm khoản tiền bồi thường thiệt hại chỉ đồng ý trả cho anh M 60.000.000 đồng và khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng đã đưa trước đó, nhưng anh M không đồng ý do số tiền sửa chữa xe 99.011.000 đồng là số tiền thực tế chi phí anh M phải chi trả, còn số tiền 20.000.000 đồng là trước đây các bên đã tự thỏa thuận là anh N bồi thường cho anh M trong khoảng thời gian xe không hoạt động, nên kháng cáo của anh N là không có cơ sở.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn 99.011.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn M và kháng cáo của bị đơn N là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn M và kháng cáo của bị đơn N.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 3 và khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 472, Điều 479, khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn M.

Buộc anh N có trách nhiệm bồi thường cho anh M chi phí sửa xe 83A-056.98 số tiền là 99.011.000 đồng (*Chín mươi chín triệu không trăm mười một nghìn đồng*). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn M về việc yêu cầu bị đơn N bồi thường số tiền 14.000.000 đồng còn lại trong khoảng thời gian 02 tháng xe ngừng hoạt động.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh M phải chịu là 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.825.000 đồng (*Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0006064 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng; anh M được hoàn lại số tiền còn thừa là 2.125.000 đồng (*Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Anh N phải chịu là 4.950.550 đồng (*Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn năm trăm năm mươi đồng*).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh M phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba*

trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0009667 ngày 18/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng; anh M đã nộp đủ. Anh N phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0009669 ngày 25/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng; anh N đã nộp đủ.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (04);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện A (01);
- Chi cục THADS huyện A (01);
- Lưu: HSVA - VP (02).

Nguyễn Hoàng Thành